

Bản án số: 42/2019/DS-ST

Ngày: 03/7/2019

V/v “Tranh chấp Hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lớn

2. Bà Huỳnh Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C – Bến Tre.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2018/TLST-DS ngày 27/12/2018 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐST - DS ngày 28 tháng 05 năm 2019 (Và Quyết định hoãn phiên Tòa số: 31/2019/QĐST - DS ngày 18 tháng 06 năm 2019) giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1950

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn H:

Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* 2.1 Bà Trương Thị Huệ E, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

2.2 Ông Trần Văn E1, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp F, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/12/2018, trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Trần Văn H cũng như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn Đ trình bày:

Ông Trần Văn H là chủ doanh nghiệp tư nhân Út H có kinh doanh các mặt hàng xăng, dầu, nhớt, ga. Trong quá trình kinh doanh vợ chồng bà Trương Thị Huệ E, ông Trần Văn E1 có đến cửa hàng ông H mua dầu, nhớt, ga nhiều lần. Thời gian đầu (trước 2016) vợ chồng bà E và ông E1 thanh toán tiền mua hàng cho ông H rất đúng với thỏa thuận nhưng càng về sau thì số tiền vợ chồng bà E và ông E1 mua dầu, nhớt, ga thiếu lại ông H càng nhiều. Đến tháng 12/2016 bà E làm một biên nhận xác định số tiền thiếu ông H là 314.735.000 đồng, bà E cam kết sẽ phụ tiền lãi cho ông H hàng tháng với mức lãi suất 1% trong thời gian chưa thanh toán được nợ gốc. Tuy nhiên từ khi làm cam kết đến nay, vợ chồng bà E, ông E1 không thanh toán cho ông H được khoản tiền nào. Mỗi lần ông H đến yêu cầu vợ chồng bà E, ông E1 thanh toán nợ thiếu thì bà E, ông E1 hẹn lần lượt rồi không thanh toán. Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu tòa án buộc bà E và ông E1 phải liên đới thanh toán cho ông H đủ số tiền đã mua dầu, nhớt, ga còn thiếu cho ông H với số tiền gốc là 314.735.000 đồng và tiền lãi của số tiền 314.735.000 đồng tính từ tháng 12/2016 đến tháng 12/2018 với mức lãi suất 1%/tháng là 75.536.400 đồng => Tổng cộng vốn lãi là 390.271.400 đồng.

Tại bản tự khai ngày 21 tháng 3 năm 2019 bị đơn bà Trương Thị Huệ E trình bày:

Bà Trương Thị Huệ E và ông Trần Văn E1 có nhiều lần mua dầu, nhớt, ga của doanh nghiệp ông H như lời ông H trình bày. Tính đến tháng 12/2016 bà E và ông E1 còn thiếu ông H số tiền là 314.735.000 đồng chưa thanh toán. Vì vậy bà E có làm một biên nhận xác định số tiền vợ chồng bà E, ông E1 thiếu ông H là 314.735.000 đồng, cam kết phụ tiền lãi cho ông H hàng tháng, với mức lãi suất 1% trong thời gian chưa thanh toán hết nợ gốc cho ông H. Tuy nhiên, do làm kinh tế không thuận lợi nên từ khi làm cam kết đến nay vợ chồng bà E, ông E1 chưa thanh toán cho ông H được khoản tiền nào nên bị ông H kiện đòi. Đối với số tiền vốn + tiền lãi là 390.271.400 đồng bà E, ông E1 thiếu ông H vợ chồng bà E, ông E1 đồng ý thanh toán cho ông H số tiền gốc 314.735.000 đồng nhưng yêu cầu được thanh toán dần mỗi tháng 30.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ gốc, còn phần tiền lãi thì xin không trả vì hiện giờ hoàn cảnh kinh tế quá khó khăn không có khả năng thanh toán một lần cho ông H toàn bộ số tiền gốc, lãi thiếu ông H.

Yêu cầu của bà E không được phía nguyên đơn chấp nhận.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cũng như văn bản triệu tập xét xử cho bị đơn bà Trương Thị Huệ E, ông Trần Văn E1 nhưng tại phiên tòa hôm nay bà E, ông E1 vắng mặt không có lý do.

Từ các lời trình bày trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn bà Trương Thị Huệ E, ông Trần Văn E1. Nhưng tại phiên tòa, bị đơn bà Trương Thị Huệ E và ông Trần Văn E1 vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn bà Trương Thị Huệ E, ông Trần Văn E1 là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét việc nguyên đơn ông Trần Văn H khởi kiện yêu cầu tòa án buộc bị đơn bà Trương Thị Huệ E, ông Trần Văn E1 phải liên đới thanh toán cho ông H đủ số tiền mua dầu, nhớt, ga còn thiếu ông H với số tiền vốn lãi là 390.271.400 đồng. Trong đó: tiền gốc là 314.735.000 đồng và tiền lãi của số tiền 314.735.000 đồng tính từ tháng 12/2016 đến tháng 12/2018 với mức lãi suất 1%/tháng là 75.536.400 đồng - Hội đồng xét xử thấy:

[1] Việc mua dầu, nhớt, ga giữa vợ chồng bà Trương Thị Huệ E, ông Trần Văn E1 với ông Trần Văn H là hoàn toàn tự nguyện, không có sự lừa dối, ép buộc. Trong quá trình tố tụng nguyên đơn, bị đơn thống nhất lời trình bày xác định bị đơn bà Trương Thị Huệ E, ông Trần Văn E1 đã mua dầu, nhớt, ga tính đến tháng 12/2016 còn thiếu ông H số tiền 314.735.000 đồng; Bà E đã ký văn bản xác định số tiền mua hàng còn thiếu ông H, cam kết phụ tiền lãi cho ông H hàng tháng với mức lãi suất 1% trong thời gian chưa thanh toán được nợ gốc nhưng từ đó đến nay chưa thanh toán được phần tiền nào. Cho nên việc ông Trần Văn H yêu cầu bà Trương Thị Huệ E, ông Trần Văn E1 phải liên đới thanh toán cho ông H đủ số tiền mua dầu, nhớt, ga còn thiếu cho ông H với số tiền vốn lãi là 390.271.400 đồng (Trong đó: tiền gốc là 314.735.000 đồng và tiền lãi của số tiền 314.735.000 đồng tính từ tháng 12/2016 đến tháng 12/2018 với mức lãi suất 1%/tháng là 75.536.400 đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 357, 430, 440, 688 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét ý kiến của bà Trương Thị Huệ E thừa nhận vợ chồng bà E và ông E1 có thiếu ông H số tiền gốc + tiền lãi do mua hàng là 390.271.400 đồng nhưng xin ông H cho vợ chồng bà E, ông E1 thanh toán dần số tiền gốc 314.735.000 đồng thiếu ông H dưới hình thức thanh toán mỗi tháng 30.000.000 đồng và xin phần tiền lãi vì hoàn cảnh bị đơn hiện rất khó khăn là không được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý và cũng không có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Hội đồng xét xử nghĩ nên buộc vợ chồng bà Trương Thị Huệ E, ông Trần Văn E1 phải liên

đổi thanh toán cho ông H số tiền gốc + tiền lãi 390.271.400 đồng từ việc mua hàng còn thiếu là phù hợp với quy định tại các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình, các Điều 357, 430, 440, 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí DS-ST có giá ngạch: 19.513.570 đồng, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trương Thị Huệ E, ông Trần Văn E1 phải liên đới nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 35, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 357, 430, 440, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội .
Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn H về việc tranh chấp hợp đồng mua bán. Buộc bị đơn bà Trương Thị Huệ E, ông Trần Văn E1 phải liên đới thanh toán cho ông Trần Văn H số tiền gốc và tiền lãi từ việc mua dầu, nhớt, ga còn thiếu là 390.271.400 đồng (Ba trăm chín mươi triệu hai trăm bảy mươi một ngàn bốn trăm đồng).

2/- Không chấp nhận việc bà Trương Thị Huệ E yêu cầu được thanh toán dần mỗi tháng 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) đối với số tiền gốc 314.735.000 đồng (Ba trăm mười bốn triệu bảy trăm ba mươi lăm ngàn) và không phải thanh toán số tiền lãi 75.536.400 đồng (Bảy mươi lăm triệu năm trăm ba mươi sáu ngàn bốn trăm đồng) cho ông H.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 19.513.570 đồng (Mười chín triệu năm trăm mười ba ngàn năm trăm bảy mươi đồng) bà Trương Thị Huệ E, ông Trần Văn E1 phải liên đới nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Trần Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.756.785 đồng (Chín triệu bảy trăm năm mươi sáu ngàn bảy trăm tám mươi lăm

đồng) theo biên lai thu tiền số 0022125 ngày 20/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Rên